



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUDITING AND CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

A member of **HLB** international. A Worldwide organization of professional accounting firms business advisers

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2005

CÔNG TY TNHH NAM VIỆT

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-8
3. Báo cáo Năm toàn	7-8
4. Bảng cân đối kế toán	9-12
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005	13
6. Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005	14-15
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005	16-31

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2005

CÔNG TY TNHH NAM VIỆT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nam Việt (gọi tắt là Công ty) đã trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 đã được kiểm toán.

Khởi quyết về Công ty

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nam Việt (gọi tắt là Công ty) là công ty trách nhiệm hữu hạn
Hợp theo Giấy phép số 363/CĐ-UB ngày 02 tháng 01 năm 1997 do Ủy ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp.
Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 034478 ngày 07 tháng 01 năm 1997
do Ủy ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp.

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 6
3. Báo cáo kiểm toán	7 - 8
4. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2005	9 - 12
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005	13
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005	14 - 15
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005	16 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nam Việt trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nam Việt (gọi tắt là Công ty) là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy phép số 363/GP.UB ngày 02 tháng 01 năm 1993 do Ủy ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 054478 ngày 07 tháng 01 năm 1993 do Trọng tài kinh tế Tỉnh An Giang cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được cấp bổ sung các Giấy phép và Quyết định sau:

- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 1 ngày 26 tháng 11 năm 1993 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 30 tháng 01 năm 1997 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và 4.273.760.000 đồng vốn kinh doanh.
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 18 tháng 4 năm 1998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 ngày 30 tháng 3 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp về việc bổ sung 4.400.000.000 đồng vốn kinh doanh.
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 01 tháng 11 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi thành viên góp vốn.
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 17 tháng 11 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp về việc bổ sung 6.626.240.000 đồng vốn kinh doanh.
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 16 tháng 02 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp về việc bổ sung 6.000.000.000 đồng vốn kinh doanh.
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 ngày 05 tháng 3 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp về việc bổ sung 3.000.000.000 đồng vốn kinh doanh.
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 24 tháng 5 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp về việc bổ sung 6.300.000.000 đồng vốn kinh doanh.
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 11 tháng 9 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp về việc bổ sung 11.700.000.000 đồng vốn kinh doanh.
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 27 tháng 8 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp về việc thay đổi địa chỉ Công ty, bổ sung 9.000.000.000 vốn kinh doanh và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 14 tháng 9 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp về việc bổ sung 9.000.000.000 đồng vốn kinh doanh.

- + Công ty được Ủy ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 70.CN.UB ngày 11 tháng 5 năm 2000, Công văn số 853/CV.UB ngày 03 tháng 5 năm 2001, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 62/CN.UB ngày 05 tháng 7 năm 2001 cho việc thực hiện dự án “Xí nghiệp đông lạnh thủy sản Mỹ Quý”, chi tiết nội dung:
 - Dự án hoàn thành và đưa vào hoạt động trong năm 2000.
 - Tổng số vốn đầu tư của dự án là 30.801 triệu đồng.
 - Dự án được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.
 - Được miễn 1 năm và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 4 năm tiếp theo cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mới này mang lại.
 - Miễn nộp tiền thuê đất 6 năm, kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất.
- + Công ty được Ủy ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 72.CN.UB ngày 19 tháng 7 năm 2001 cho việc thực hiện dự án “Xây dựng mở rộng Xí nghiệp đông lạnh thủy sản Mỹ Quý”, chi tiết nội dung:
 - Dự án hoàn thành và đưa vào hoạt động trong năm 2001.
 - Tổng số vốn đầu tư của dự án là 13.289 triệu đồng.
 - Dự án được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.
 - Được miễn 1 năm và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 4 năm tiếp theo cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mới này mang lại.
- + Công ty được Ủy ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 96.CN.UB ngày 22 tháng 4 năm 2002 cho việc thực hiện dự án “Xây dựng mở rộng Nhà máy đông lạnh thủy sản Mỹ Quý”, chi tiết nội dung:
 - Dự án hoàn thành và đưa vào hoạt động trong năm 2002.
 - Tổng số vốn đầu tư của dự án là 9.845 triệu đồng.
 - Dự án được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.
 - Được miễn 1 năm và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 4 năm tiếp theo cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mới này mang lại.
- + Công ty được Ủy ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 125.CN.UB ngày 25 tháng 7 năm 2002 cho việc thực hiện dự án “Mở rộng Nhà máy chế biến đông lạnh thủy sản Mỹ Quý”, chi tiết nội dung:
 - Dự án hoàn thành và đưa vào hoạt động trong năm 2002.
 - Tổng số vốn đầu tư của dự án là 11.520 triệu đồng.
 - Dự án được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.
 - Được miễn 1 năm và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 4 năm tiếp theo cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mới này mang lại.
- + Công ty được Ủy ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 51.CN.UB ngày 29 tháng 8 năm 2003 cho việc thực hiện dự án “Xây dựng phân xưởng II chế biến đông lạnh thủy sản xuất khẩu”, chi tiết nội dung:
 - Dự án hoàn thành và đưa vào hoạt động trong năm 2003-2004
 - Tổng số vốn đầu tư của dự án là 30.871 triệu đồng.
 - Dự án được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.
 - Được miễn 1 năm và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 4 năm tiếp theo cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mới này mang lại.
- + Công ty được Ủy ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 53.CN.UB ngày 14 tháng 7 năm 2004 cho việc thực hiện dự án “Xây dựng phân xưởng III chế biến đông lạnh thủy sản”, chi tiết nội dung:
 - Dự án hoàn thành và đưa vào hoạt động trong năm 2004.
 - Tổng số vốn đầu tư của dự án là 19.876 triệu đồng.
 - Được miễn 1 năm và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 4 năm tiếp theo cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mới này mang lại.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM VIỆT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- + Công ty được Ủy ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 92.CN.UB ngày 01 tháng 11 năm 2004 cho việc thực hiện dự án “Xây dựng phân xưởng IV chế biến đông lạnh thủy sản”, chi tiết nội dung:
 - Dự án hoàn thành và đưa vào hoạt động trong năm 2005.
 - Tổng số vốn đầu tư của dự án là 16.308 triệu đồng.
 - Được miễn 1 năm và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 4 năm tiếp theo cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mới này mang lại.
- + Công ty được Ủy ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 70.CN.UB ngày 16 tháng 8 năm 2004 cho việc thực hiện dự án “Nhà máy chế biến thủy sản Thái Bình Dương Seafood”, chi tiết nội dung:
 - Dự án hoàn thành và đưa vào hoạt động trong năm 2003.
 - Tổng số vốn đầu tư của dự án là 169.366 triệu đồng.
 - Được miễn 1 năm và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 4 năm tiếp theo cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mới này mang lại.
 - Miễn nộp tiền thuê đất 6 năm, kể từ khi ký hợp đồng thuê đất.
- + Công ty được Ủy ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 79.CN.UB ngày 22 tháng 9 năm 2004 cho việc thực hiện dự án “Xây dựng nhà máy chế biến đông lạnh thủy sản Nam Việt II”, chi tiết nội dung:
 - Dự án hoàn thành và đưa vào hoạt động trong năm 2007.
 - Tổng số vốn đầu tư của dự án là 638.741 triệu đồng.
 - Được miễn 1 năm và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 4 năm tiếp theo cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mới này mang lại.
 - Miễn nộp tiền thuê đất 6 năm, kể từ khi được giao đất.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	63.000.000.000 đồng
+ Ông Doãn Tới	39.723.760.000 đồng, tỷ lệ 63%
+ Bà Dương Thị Kim Hương	23.276.240.000 đồng, tỷ lệ 37%

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Điện thoại : 076 834060
Fax : 076 834054
E-mail : namviettagg@hcm.vnn.vn
Mã số thuế : 1600168736.1

Hoạt động chính của Công ty: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (cầu, đường, cống, ...), thủy lợi; sản xuất vật liệu xây dựng; sản xuất mỡ bôi trơn; sản xuất phèn; chăn nuôi thủy sản; chế biến thủy sản; chế biến thức ăn gia súc; xây xát thóc lúa, đánh bóng gạo; mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất; mua bán nông sản, lương thực, thủy sản, sản xuất bao bì giấy và in ấn bao bì các loại (theo giấy đăng ký kinh doanh).

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Công ty đã hoàn thành việc xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị Nhà máy Thái Bình Dương và đã đưa vào hoạt động.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 09 đến trang 31).

Trong năm 2005 Công ty có tạm phân phối 5 tỷ đồng lợi nhuận cho các thành viên góp vốn.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM VIỆT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Tháng 3 năm 2006, Hội đồng thành viên đã thống nhất giải thể Công ty TNHH Nam Thiên Sơn - An Giang kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2006 do không hoạt động hiệu quả.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Doãn Tới	Chủ tịch		
Bà Dương Thị Kim Hương	Thành viên		

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Doãn Tới	Tổng Giám đốc		
Bà Dương Thị Kim Hương	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 10 năm 2004	
Ông Nguyễn Duy Nhứt	Giám đốc tài chính	01 tháng 10 năm 2004	
Ông Nguyễn Thừa Bửu	Giám đốc kỹ thuật	01 tháng 10 năm 2004	
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Giám đốc điều hành	01 tháng 10 năm 2004	
Ông Đặng Văn Điền	Giám đốc xuất nhập khẩu	01 tháng 10 năm 2004	
Ông Doãn Quốc Xã	Giám đốc cơ khí	01 tháng 10 năm 2004	
Bà Dương Thị Kim Loan	Kế toán trưởng	01 tháng 10 năm 2004	

Kiểm toán viên

Công ty Cổ phần Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM VIỆT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính và bản thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Doãn Tới

Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 8 năm 2006

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của kiểm toán viên là kiểm tra và đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở lập

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực Quốc tế về kiểm toán và các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ tục kiểm tra cần thiết. Mặc dù các bằng chứng này không những không loại trừ nguy cơ sai sót tài chính, nhất là việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các mức thuế và các khoản quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Nội dung của các khoản toán

- Công ty chưa ghi nhận khoản tiền lương tháng 12 năm 2005 vào trị giá của năm nay, ước tính khoảng 4,9 tỷ đồng (xem thuyết minh số VL19).
- Các tài sản có hình vẽ hình ảnh tại kho của Công ty tài sản có định hình hình (xem thuyết minh số VL2).
- Khoản phải thu của Black Tiger đã quá hạn hơn 3 năm nhưng chưa được Công ty lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (xem thuyết minh số VL2).



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUDITING AND CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist. 1, Ho Chi Minh City
Branch in Ha Noi : 877 Hong Ha St., Hoan Kiem, Dist. Ha Noi City
Branch in Nha Trang - Khanh Hoa : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Ninh Kieu Dist, Can Tho City

- Tel.: (08) 8 272 295 - Fax: (84.8) 8 272 300
- Tel.: (04) 9 324 133 - Fax: (84.8) 9 324 113
- Tel.: (058) 876 555 - Fax: (84.58) 875 327
- Tel.: (071) 764 995 - Fax: (84.71) 764 996

www.auditconsult.com.vn

Số: 2442/2006/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2005 CỦA CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM VIỆT

Kính gửi:

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nam Việt (gọi tắt là Công ty) gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 21 tháng 8 năm 2006, từ trang 09 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực Quốc tế về kiểm toán và các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Hạn chế của cuộc kiểm toán

- + Công ty chưa ghi nhận khoản tiền lương tháng 13 năm 2005 vào chi phí của năm nay, ước tính khoảng 4,9 tỷ đồng (xem thuyết minh số VI.18).
- + Các tài sản cố định vô hình được trình bày ở khoản mục tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số VI.9).
- + Khoản phải thu tiền hàng của Black Tiger đã quá hạn hơn 2 năm nhưng chưa được Công ty lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (xem thuyết minh số VI.2).

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng từ những vấn đề hạn chế đã nêu đối với các chỉ tiêu có liên quan của Báo cáo tài chính năm 2005, các chỉ tiêu còn lại của báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nam Việt tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty Cổ phần Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lê Minh Tài - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0084/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2006

Trần Dương Anh Việt - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0338/KTV

CO
CỔ
KIỂM
TƯ
VẤN

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		432.560.926.692	273.315.872.701
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	7.240.932.617	17.900.415.446
1. Tiền	111		7.240.932.617	17.900.415.446
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		274.555.327.546	179.087.825.415
1. Phải thu của khách hàng	131	VI.2	266.029.711.892	179.210.700.219
2. Trả trước cho người bán	132	VI.3	4.034.605.671	1.093.599.616
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	VI.4	8.325.166.752	4.714.958.426
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	VI.5	(3.834.156.769)	(5.931.432.846)
IV. Hàng tồn kho	140		150.204.094.266	76.216.750.684
1. Hàng tồn kho	141	VI.6	150.204.094.266	76.216.750.684
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		560.572.263	110.881.156
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	80.454.545
2. Các khoản thuế phải thu	152	VI.7	560.572.263	30.426.611
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		230.519.267.789	129.438.092.594
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		23.996.790.600	23.400.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu nội bộ dài hạn	212		-	-
3. Phải thu dài hạn khác	213	VI.8	23.996.790.600	23.400.000.000
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	210		176.553.097.136	99.904.147.067
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	162.616.679.503	68.370.885.171
<i>Nguyên giá</i>	222		206.382.780.339	97.374.278.862
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(43.766.100.836)	(29.003.393.691)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	VI.10	11.107.663.957	-
<i>Nguyên giá</i>	225		11.241.491.234	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(133.827.277)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.11	181.735.199	21.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		215.974.600	21.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(34.239.401)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.12	2.647.018.477	31.512.261.896
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		29.842.391.158	6.133.945.527
1. Đầu tư vào công ty con	251	VI.13	2.500.000.000	1.500.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	VI.14	27.342.391.158	4.633.945.527
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		126.988.895	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		126.988.895	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		663.080.194.481	402.753.965.295

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		460.891.031.291	263.025.238.724
I. Nợ ngắn hạn	310		236.949.811.295	179.127.751.224
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.15	141.229.002.343	124.250.000.000
2. Phải trả cho người bán	312	VI.16	82.040.543.029	42.152.781.440
3. Người mua trả tiền trước	313	VI.17	1.952.968.058	1.150.195.763
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	VI.19	776.758.227	2.109.206.876
5. Phải trả công nhân viên	315	VI.18	6.778.208.220	7.072.290.927
6. Chi phí phải trả	316	VI.20	278.992.000	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	VI.21	3.893.339.418	2.393.276.218
II. Nợ dài hạn	320		223.941.219.996	83.897.487.500
1. Phải trả dài hạn người bán	321		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	322		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	323		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	324	VI.22	223.941.219.996	83.897.487.500
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		202.189.163.190	139.728.726.571
I. Vốn chủ sở hữu	410		201.578.502.978	138.643.289.278
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	VI.23	63.000.000.000	63.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Cổ phiếu ngân quỹ	413		-	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	414		-	-
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		-	-
6. Quỹ đầu tư phát triển	416		-	-
7. Quỹ dự phòng tài chính	417		-	-
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418	VI.23	206.181.954	206.181.954
9. Lợi nhuận chưa phân phối	419	VI.23	138.372.321.024	75.437.107.324
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		610.660.212	1.085.437.293
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	421	VI.24	610.660.212	1.085.437.293
2. Nguồn kinh phí	422		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	423		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		663.080.194.481	402.753.965.295

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005


Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
USD		250,656.08	683,137.16
EUR		345.09	13.20
6. Dự toán chi phí hoạt động		-	-
7. Nguồn vốn khấu hao cơ bản hiện có		-	-

An Giang, ngày 21 tháng 8 năm 2006


Dương Thị Kim Loan
Kế toán trưởng


Nguyễn Duy Nhứt
Giám đốc tài chính




Doãn Tới
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2005

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	1.252.093.244.558	1.013.320.558.837
2. Các khoản giảm trừ	03	VI.26	39.777.011.681	9.150.447.368
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.212.316.232.877	1.004.170.111.469
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	1.015.837.353.918	873.411.628.864
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		196.478.878.959	130.758.482.605
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.28	9.335.251.650	5.199.006.464
7. Chi phí tài chính	22	VI.29	28.592.588.899	16.421.825.200
Trong đó: chi phí lãi vay	23		28.592.520.788	16.398.775.802
8. Chi phí bán hàng	24	VI.30	92.435.744.262	58.534.187.639
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.31	11.378.078.844	11.470.798.220
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		73.407.718.604	49.530.678.010
11. Thu nhập khác	31	VI.32	11.899.499.456	4.003.048.357
12. Chi phí khác	32	VI.33	11.526.511.528	5.399.834.158
13. Lợi nhuận khác	40		372.987.928	(1.396.785.801)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		73.780.706.532	48.133.892.209
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp	51	VI.18	1.371.214.430	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		72.409.492.102	48.133.892.209

Dương Thị Kim Loan
Kế toán trưởngNguyễn Duy Nhứt
Giám đốc tài chính

An Giang, ngày 21 tháng 8 năm 2006

Doãn Tới
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2005

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		73.780.706.532	48.133.892.209
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	VI.9,10,11	14.930.773.823	10.936.210.854
- Các khoản dự phòng	03	VI.32	(853.782.237)	5.931.432.846
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.28	(2.350.668.355)	(343.554.055)
- Chi phí lãi vay	06	VI.29	28.592.520.788	16.398.775.802
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		114.099.550.551	81.056.757.656
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(90.793.146.306)	(90.211.132.812)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(73.987.343.582)	(23.402.874.917)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		45.694.786.550	1.675.724.141
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(46.534.350)	563.653.354
- Tiền lãi vay đã trả	13		(25.641.513.081)	(16.226.998.633)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	VI.19	(2.983.727.889)	(2.917.963.991)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		300.000.000	513.631.954
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	VI.24	(2.167.327.081)	(25.499.784.179)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(35.525.255.188)	(74.448.987.427)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(104.513.521.419)	(49.231.843.910)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.32	11.090.100.000	3.899.921.907
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(45.252.000.000)	(13.576.827.381)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		22.543.554.369	20.471.881.854
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	VI.13	(1.000.000.000)	(1.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.065.004.570	506.377.777
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(116.066.862.480)	(39.430.489.753)

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	9.000.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		887.802.989.136	768.605.122.742
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(739.541.433.297)	(655.623.635.242)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	VI.22	(2.328.921.000)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	VI.23	(5.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		140.932.634.839	121.981.487.500
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(10.659.482.829)	8.102.010.320
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	VI.1	17.900.415.446	9.798.405.126
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VI.1	7.240.932.617	17.900.415.446

An Giang, ngày 21 tháng 8 năm 2006



Dương Thị Kim Loan
Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Nhứt
Giám đốc tài chính



Doãn Tới
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Trách nhiệm hữu hạn
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (cầu, đường, cống, ...), thủy lợi; sản xuất vật liệu xây dựng; sản xuất mỡ bôi trơn; sản xuất phèn; chăn nuôi thủy sản; chế biến thủy sản; chế biến thức ăn gia súc; xây xát thóc lúa, đánh bóng gạo; mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất; mua bán nông sản, lương thực, thủy sản, sản xuất bao bì giấy và in ấn bao bì các loại (theo giấy đăng ký kinh doanh).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 là năm tài chính thứ 13 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ.

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-25
Máy móc và thiết bị	5-8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4-7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5-7
Tài sản cố định khác	3-6
Tài sản cố định thuê tài chính	7
Tài sản cố định vô hình	3

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài được công bố tại thuyết minh số 5.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong năm.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

9. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

10. Trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 1% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong năm. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định của Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 70/CN.UB ngày 11 tháng 5 năm 2000, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động sản xuất, chế biến thủy sản là 25% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 1 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo. Cục thuế Tỉnh An Giang đã chấp nhận cho Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2002.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

14. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2005 Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 và đã được Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện tại Thông tư số 23/2005/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2005 như sau:

VAS 05	Bất động sản đầu tư
VAS 07	Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết
VAS 08	Thông tin tài chính về các khoản vốn góp liên doanh
VAS 21	Trình bày báo cáo tài chính
VAS 25	Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con
VAS 26	Thông tin về các bên liên quan

Ngoài ra, trong năm Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng ban hành 5 chuẩn mực kế toán mới tại Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005:

VAS 17	Thuế thu nhập doanh nghiệp
VAS 23	Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
VAS 27	Báo cáo tài chính giữa niên độ
VAS 28	Báo cáo bộ phận
VAS 29	Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót

Việc áp dụng các chuẩn mực kế toán này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính năm nay và các năm trước của Công ty.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các bên có liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh VII.1.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	516.403.133	4.276.425.342
Tiền gửi ngân hàng	6.724.529.484	13.623.990.104
<i>Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tỉnh An Giang</i>	4.206.665.330	9.317.593.796
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tỉnh An Giang</i>	54.372.325	2.033.130.947
<i>Ngân hàng Hong kong và Thượng Hải - Chi nhánh TPHCM</i>	2.451.882.538	2.273.265.361
<i>Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ và Phát triển An Giang</i>	11.609.291	-
Cộng	7.240.932.617	17.900.415.446

2. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu trong nước	103.655.977.543	63.320.695.213
Phải thu nước ngoài	160.906.997.231	115.708.931.673
Phải thu cho vay	1.466.737.118	181.073.333
Cộng	266.029.711.892	179.210.700.219

Chi tiết các khoản phải thu trong nước:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Seaprodux Đà Nẵng	78.010.159.203	44.227.801.339
Công ty TNHH Thanh Thiên	17.671.964.129	-
Công ty TNHH Hải Vương	-	5.564.698.851
Công ty TNHH Hải Thạch	4.338.574.811	-
Công ty Thới Giới Biển	668.430.000	4.824.343.100
Các khách hàng khác	2.966.849.400	8.703.851.923
Cộng	103.655.977.543	63.320.695.213

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu nước ngoài:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ectolan Inc	34.266.138.566	2.281.422.309
Fujian	10.776.487.286	19.061.551.170
Arimpex Promoqualita	14.844.383.490	8.352.814.435
Alliance Food	5.235.186.044	11.103.807.661
Ocean Best International	9.483.388.950	6.992.863.917
Nowaco Hongkong	9.574.111.350	886.788.672
Atlantic Resources	7.698.391.140	2.536.112.810
JMS Product Inc	-	7.501.032.000
Piazza	1.621.789.308	7.124.093.777
Malcol Seafood	6.857.615.850	4.294.684.144
Seafood Connection (SCBV)	6.624.889.817	-
Ermst Kratzenstien (KZN)	5.469.122.261	490.719.345
Bid Vest	5.068.290.500	-
Black Tiger	5.748.730.380 (*)	5.702.489.100
Seafood Enterprise	3.865.247.809 (*)	4.175.112.769
Seafood Connection	- (*)	2.097.276.077
Các khách hàng khác	33.773.224.480	33.108.163.487
Cộng	160.906.997.231	115.708.931.673

(*) Khoản quá hạn

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Điện Lạnh Sài Gòn	2.436.039.300	-
Cretel Food Equipment	-	741.895.000
Các khoản ứng trước quá hạn	201.704.616	296.904.616
Các khách hàng khác	1.396.861.755	54.800.000
Cộng	4.034.605.671	1.093.599.616

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng của nhân viên còn làm việc	5.664.837.685	1.296.518.324
Tạm ứng của nhân viên đã nghỉ việc	506.042.677	455.313.037
Khoản chi hộ Công ty TNHH Đại Tây Dương	-	1.800.000.000
Phải thu Bà Nguyễn Thị Hợi tiền phụ phẩm	1.710.682.390	1.089.114.300
Các khoản khác	443.604.000	74.012.765
Cộng	8.325.166.752	4.714.958.426

5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Dự phòng các khoản phải thu khách hàng quá hạn trên 2 năm, chi tiết:

Seafood Connection	-	(2.097.276.077)
Seafood Enterprise	(3.834.156.769)	(3.834.156.769)
Cộng	(3.834.156.769)	(5.931.432.846)

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	2.324.679.346	2.302.223.010
Công cụ, dụng cụ	650.561.573	456.481.274
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	261.465.901	4.309.418.525
<i>Trong đó các công trình xây dựng tồn lâu</i>	-	<i>2.682.819.143</i>
Thành phẩm	143.058.590.501	63.314.792.834
Hàng gửi đi bán	3.908.796.945	5.833.835.041
Cộng	150.204.094.266	76.216.750.684

7. Các khoản thuế phải thu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT còn được khấu trừ	560.405.121	30.426.611
Thuế khác	167.142	-
Cộng	560.572.263	30.426.611

8. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khoản ký quỹ tại Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ Phát triển An Giang để đảm bảo cho Hợp đồng vay số 08/HTPT.TPĐP2004	23.400.000.000	23.400.000.000
Ký quỹ để đảm bảo hợp đồng thuê tài chính	582.000.000	-
Khoản khác	14.790.600	-
Cộng	23.996.790.600	23.400.000.000

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	52.734.618.303	35.059.506.976	7.471.952.892	1.291.948.265	816.252.426	97.374.278.862
Mua trong năm	-	77.421.730.186	1.313.951.083	2.974.075.905	8.617.725.563	90.327.482.737
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	28.886.322.426	547.000.000	-	162.857.143	450.291.985	30.046.471.554
Thanh lý, nhượng bán	-	(11.090.100.000)	-	-	-	(11.090.100.000)
Chuyển mục	-	(148.901.235)	-	-	-	(148.901.235)
Giảm khác	-	(126.451.579)	-	-	-	(126.451.579)
Số cuối năm	81.620.940.729	101.662.784.348	8.785.903.975	4.428.881.313	9.884.269.974	206.382.780.339
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	13.105.605.568	13.447.708.189	1.819.650.727	385.780.700	244.648.507	29.003.393.691
Khấu hao trong năm	6.804.409.115	6.329.685.188	1.024.155.121	438.871.226	165.586.495	14.762.707.145
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	19.910.014.683	19.777.393.377	2.843.805.848	824.651.926	410.235.002	43.766.100.836
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	39.629.012.735	21.611.798.787	5.652.302.165	906.167.565	571.603.919	68.370.885.171
Số cuối năm	61.710.926.046	81.885.390.971	5.942.098.127	3.604.229.387	9.474.034.972	162.616.679.503

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình tăng trong năm do việc xây dựng nhà máy Thái Bình Dương hoàn thành nên kết chuyển tài sản và Công ty tiến hành mua sắm máy móc thiết bị cho nhà máy này. Trong năm Công ty có bán máy sấy bột cá cho Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và sau đó ký lại hợp đồng thuê tài chính máy này.

Trong khoản mục nhà cửa, vật kiến trúc có 9.418.444.917 đồng là các tài sản cố định vô hình được trình bày chung để thuận tiện cho việc quản lý.

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.025.135.506 VND.

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Nguyên giá và khấu hao máy sấy bột cá thuê tài chính trong năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá và khấu hao của các phần mềm quản lý.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	448.085.527	13.284.011.453
Mua sắm, lắp đặt tài sản còn dở dang	2.198.932.950	18.228.250.443
Cộng	2.647.018.477	31.512.261.896

Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản:

Hạng mục	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tăng trong năm</u>	<u>Số kết chuyển tài sản</u>	<u>Số kết chuyển khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Nhà phụ phẩm	924.944.929	1.340.260.101	1.827.019.503	-	438.185.527
Chi phí đền bù, giải toả nhà máy Thái Bình Dương	5.434.128.088	614.015.091	6.048.143.179	-	-
Xây dựng nhà máy Thái Bình Dương	-	9.280.555.088	9.273.318.010	7.237.078	-
Nhà làm việc 4 tầng	2.628.272.463	373.314.802	2.983.885.737	17.701.528	-
Nhà ở công nhân viên Xẻo Chôm	909.655.455	-	909.655.455	-	-
Nhà khách công vụ Xẻo Chôm	3.387.010.518	191.656.194	3.578.666.712	-	-
Nhà máy bao bì mới	-	4.428.490.973	4.428.490.973	-	-
Lắp đặt hầm thông gió	-	556.900.000	547.000.000	-	9.900.000
Xây dựng bể nước	-	450.291.985	450.291.985	-	-
Cộng	13.284.011.453	17.235.484.234	30.046.471.554	24.938.606	448.085.527

13. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con:	Công ty TNHH Nam Thiên Sơn - An Giang
Tỷ lệ cổ phần Công ty sở hữu:	69%
Số tiền phải đầu tư theo giấy phép:	31.000.000.000
Số tiền đã đầu tư đầu năm:	1.500.000.000
Số tiền đã đầu tư trong năm:	1.000.000.000
Số tiền đã đầu tư đến cuối năm:	2.500.000.000

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay	27.332.391.158	4.633.945.527
Đầu tư khác	10.000.000	-
Cộng	27.342.391.158	4.633.945.527

Chi tiết các khoản cho các hộ chăn nuôi vay nuôi bê cá (không có thời hạn, lãi suất khoảng 1,5%/tháng) còn phải thu:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Phan Bá Tòng	1.550.000.000	1.200.000.000
Ông Lê Văn Đầu	3.207.695.758	600.000.000
Ông Doãn Quốc Hội	2.100.000.000	200.000.000
Ông Doãn Quốc Xã	1.908.971.676	500.000.000
Ông Huỳnh Văn Kề	4.800.000.000	500.000.000
Bà Lê Thị Lan Hương	3.000.000.000	-
Bà Nguyễn Nguyên Thiện Ái	3.200.000.000	-
Bà Doãn Thị Yến	2.214.136.997	300.000.000
Các đối tượng khác	5.361.586.727	1.333.945.527
Cộng	27.342.391.158	4.633.945.527

15. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	124.421.413.675	121.620.000.000
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tỉnh An Giang	57.500.000.000	18.600.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tỉnh An Giang	18.406.413.675	-
Ngân hàng Hong kong và Thượng Hải - Chi nhánh TPHCM	-	50.505.000.000
Vay cá nhân Bà Dương Thị Kim Hương	48.030.000.000	52.030.000.000
Vay cá nhân khác	485.000.000	485.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	15.600.000.000	2.630.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	1.207.588.668	-
Cộng	141.229.002.343	124.250.000.000

16. Phải trả cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mua cá còn phải trả cho khách hàng	62.273.393.120	24.711.034.448
Công ty TNHH A&S Thaiwords	-	7.182.070.000
Bà Dương Thị Kim Hương	3.122.784.876	171.777.169
Công ty TNHH Năm Dững	1.017.891.950	100.000.000
Công ty TNHH Maersk Việt Nam	1.371.234.008	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thạnh Mỹ	-	1.050.000.000
Công ty TNHH Phước Lộc	1.696.019.270	-
Công ty TNHH SX TM Tân Hưng	1.032.733.240	320.215.400
Công ty Xây dựng 621	2.155.263	1.335.770.000
Các khách hàng khác	11.524.331.302	7.281.914.423
Cộng	82.040.543.029	42.152.781.440

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Người mua trả tiền trước**

Các khoản trả trước tiền mua hàng thủy sản, tài sản của khách hàng.

18. Phải trả công nhân viên

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lương tháng 12 còn phải trả	6.778.208.220	4.095.443.927
Lương tháng 13 còn phải trả (*)	-	2.976.847.000
Cộng	6.778.208.220	7.072.290.927

(*) Chi phí tiền lương tháng 13 của năm nay được ghi nhận trong năm 2006.

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế phải nộp Nhà nước	2.109.206.876	13.434.650.602	14.770.811.893	773.045.585
Thuế GTGT hàng bán nội địa	456.965.877	5.299.688.139	5.760.199.516	(3.545.500)
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.237.246.944	2.237.414.086	(167.142)
Thuế nhập khẩu	-	895.061.277	547.547.978	347.513.299
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.298.000.513)	4.452.942.832	2.983.727.889	171.214.430
Các loại thuế khác	2.950.241.512	549.711.410	3.241.922.424	258.030.498
Thuế thu nhập cá nhân	-	83.495.550	32.462.766	51.032.784
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế GTGT nhà thầu	648.460.756	236.938.987	882.448.170	2.951.573
Thuế TNDN nhà thầu	2.301.780.756	226.276.873	2.324.011.488	204.046.141
Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	2.109.206.876	13.434.650.602	14.770.811.893	773.045.585
Trong đó:				
Số thuế phải nộp				776.758.227
Số thuế phải thu				(3.712.642)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

Doanh thu bán mỡ cá	10%
Doanh thu bán cá thành phẩm, phụ phẩm	5%
Doanh thu bán cá thành phẩm xuất khẩu	0%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh V.11.

Công ty đã xác định nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2004 phải nộp theo biên bản kiểm tra thuế và tạm xác định nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2005 phải nộp theo tờ khai tự quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2005, chi tiết:

Năm 2004	3.081.728.402
Năm 2005	1.371.214.430

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Chi phí phải trả

Khoản tiền trợ cấp mất việc làm còn phải trả.

21. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền vận chuyển, bốc xếp còn phải trả	2.814.822.859	-
Tiền phụ liệu còn phải trả	782.981.569	-
Công ty Xây lắp An Giang	-	2.183.358.791
Các khoản khác	295.534.990	209.917.427
Cộng	3.893.339.418	2.393.276.218

22. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn	215.833.124.664	83.897.487.500
Nợ dài hạn	8.108.095.332	-
Cộng	223.941.219.996	83.897.487.500

Chi tiết các khoản vay và nợ dài hạn:

- Khoản vay Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ Phát triển An Giang theo Hợp đồng vay số 08/HTPT. TDĐP 2004 ngày 22 tháng 4 năm 2004, chi tiết:

- + Mục đích vay : Đầu tư dự án Nhà máy chế biến Thái Bình Dương
- + Số tiền vay : 78.000.000.000 VNĐ
- + Thời hạn vay : 6 năm
- + Thời hạn rút vốn : Năm 2004 và 2005
- + Thời điểm bắt đầu trả nợ : 12 tháng sau khi nhận khoản vay đầu tiên, mỗi tháng trả 1,3 tỷ đồng.

- + Chi tiết khoản vay :
 - Số đầu năm : 2.007.487.500
 - Số vay trong năm : 75.985.645.164
 - Số nợ đến hạn trả : (15.600.000.000)
 - Số cuối năm : 62.393.132.664

- Khoản vay Bà Dương Thị Kim Hương, thời hạn 2 năm, lãi suất 1,5%/tháng, chi tiết:

- + Số đầu năm : 81.890.000.000
- + Số vay trong năm : 71.549.992.000
- + Số cuối năm : 153.439.992.000

- Khoản nợ Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng thuê tài chính, chi tiết:

- + Tài sản thuê mua : Máy sấy bột cá
- + Thời hạn cho thuê : 5 năm
- + Thanh toán tiền thuê : 60 kỳ
- + Tiền ký quỹ đảm bảo : 582.000.000 đồng
- + Chi tiết khoản nợ :
 - Số nhận nợ trong năm : 11.644.605.000
 - Số nợ trả trong năm : (2.328.921.000)
 - Số nợ đến hạn trả : (1.207.588.668)
 - Số cuối năm : 8.108.095.332

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

23. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

23.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Quỹ khác	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	54.000.000.000	-	29.747.839.856	83.747.839.856
Tăng vốn trong năm trước	9.000.000.000	-	-	9.000.000.000
Điều chỉnh quyết toán thuế 2003	-	-	(1.272.722.361)	(1.272.722.361)
Trích quỹ phúc lợi	-	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Điều chỉnh khác	-	206.181.954	328.097.620	534.279.574
Lợi nhuận tăng trong năm trước (chưa tính thuế)	-	-	48.133.892.209	48.133.892.209
Số dư cuối năm trước	63.000.000.000	206.181.954	75.437.107.324	138.643.289.278
Số dư đầu năm nay	63.000.000.000	206.181.954	75.437.107.324	138.643.289.278
Thuế TNDN năm trước phải nộp	-	-	(3.081.728.402)	(3.081.728.402)
Phân phối lợi nhuận	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Trích quỹ phúc lợi	-	-	(1.392.550.000)	(1.392.550.000)
Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	-	72.409.492.102	72.409.492.102
Số dư cuối năm nay	63.000.000.000	206.181.954	138.372.321.024	201.578.502.978

23.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 14 tháng 9 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp, các thành viên đã tiến hành góp đủ vốn điều lệ, chi tiết:

Thành viên	Số đầu năm	Chỉnh mục	Số cuối năm	Tỷ lệ
Ông Doãn Tới	45.723.760.000	(6.000.000.000)	39.723.760.000	63%
Bà Dương Thị Kim Hương	17.276.240.000	6.000.000.000	23.276.240.000	37%
Cộng	63.000.000.000	-	63.000.000.000	100%

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chỉ tiêu	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Cộng
Số đầu năm	731.066.513	354.370.780	1.085.437.293
Số trích quỹ trong năm	300.000.000	1.392.550.000	1.692.550.000
Sử dụng quỹ trong năm	728.934.400	1.438.392.681	2.167.327.081
Số cuối năm	302.132.113	308.528.099	610.660.212

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu xuất khẩu	941.048.241.481	676.224.527.169
Doanh thu bán nội địa	256.698.322.956	296.193.640.722
Doanh thu mớ cá	20.530.974.371	26.230.287.176
Doanh thu phụ phẩm	33.624.045.245	14.195.913.294
Doanh thu hoạt động xây dựng	191.660.505	476.190.476
Cộng	1.252.093.244.558	1.013.320.558.837

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**26. Các khoản giảm trừ**

	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	35.954.584.388	6.129.092.405
Giảm giá hàng bán	3.822.427.293	3.021.354.963
Cộng	39.777.011.681	9.150.447.368

27. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	970.666.145.245	813.028.331.131
Chi phí gia công thuê ngoài	2.024.848.323	-
Chi phí nhân công trực tiếp	59.004.041.802	44.134.516.629
Chi phí sản xuất chung	51.882.008.849	39.085.532.722
Tổng chi phí sản xuất	1.083.577.044.219	896.248.380.482
Cộng chi phí sản suất dở dang đầu năm	4.309.418.525	4.039.973.409
Trừ phế liệu thu hồi để bán	12.577.906.887	1.084.278.998
Trừ xuất khác	-	499.487.335
Trừ chi phí sản suất dở dang cuối năm	261.465.901	4.309.418.525
Giá thành sản xuất	1.075.047.089.956	894.395.169.033
Cộng thành phẩm đầu năm, hàng gửi bán	69.148.627.875	47.152.567.628
Cộng thành phẩm mua ngoài	5.667.877.512	-
Cộng khác	371.526.901	-
Trừ xuất hàng mẫu, hủy	8.287.767	71.758.920
Trừ thành phẩm cuối năm	146.967.387.446	69.148.627.875
Cộng phế liệu thu hồi để bán	12.577.906.887	1.084.278.998
Giá vốn hàng bán	1.015.837.353.918	873.411.628.864

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.122.304.740	790.673.330
Lãi cho vay	2.350.668.355	687.451.110
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.451.266.840	3.720.882.024
Khoản khác	411.011.715	-
Cộng	9.335.251.650	5.199.006.464

29. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	28.592.520.788	16.398.775.802
Lỗ chênh lệch tỷ giá	68.111	23.049.398
Cộng	28.592.588.899	16.421.825.200

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**30. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	653.099.294	289.647.796
Phí vận chuyển hàng	73.543.494.073	40.422.168.807
Chi phí hoa hồng	4.351.184.276	11.227.227.032
Chi phí lưu kho	765.603.659	581.875.790
Chi phí kiểm hàng	5.753.630.679	1.709.140.555
Chi phí khác	7.368.732.281	4.304.127.659
Cộng	92.435.744.262	58.534.187.639

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	4.647.752.896	2.166.328.663
Chi phí đồ dùng văn phòng	401.929.214	139.608.102
Chi phí khấu hao	1.849.170.676	268.180.481
Chi phí thuế, lệ phí	1.340.312.647	1.071.666.943
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.268.758.665	277.446.033
Chi phí dự phòng nợ khó đòi	(853.782.237)	5.931.432.846
Chi phí khác	723.936.983	1.616.135.152
Cộng	11.378.078.844	11.470.798.220

32. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý tài sản	11.090.100.000	3.899.921.907
Thu khác	809.399.456	103.126.450
Cộng	11.899.499.456	4.003.048.357

33. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản thanh lý	11.090.100.000	4.243.818.962
Chi thanh lý nợ phải thu	89.238.432	1.141.894.527
Chi phí khác	347.173.096	14.120.669
Cộng	11.526.511.528	5.399.834.158

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Bà Dương Thị Kim Hương	Thành viên góp vốn, Phó Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Thành Thiên	Cùng 1 Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Nam Thiên Sơn	Công ty con

Chi tiết các nghiệp vụ với các bên có liên quan phát sinh trong năm:

Nội dung	Số đầu năm	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	Số cuối năm
Bà Dương Thị Kim Hương				
Vay ngắn hạn	52.030.000.000	-	4.000.000.000	48.030.000.000
Vay dài hạn	81.890.000.000	71.549.992.000	-	153.439.992.000
Lãi tiền vay phải trả	171.777.169	22.595.647.705	19.644.639.998	3.122.784.876
Công ty TNHH Thanh Thiên				
Phải thu tiền bán hàng	-	26.872.387.392	9.200.423.263	17.671.964.129
Công ty TNHH Nam Thiên Sơn				
Đầu tư vào công ty con	1.500.000.000	1.000.000.000	-	2.500.000.000

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tháng 3 năm 2006, Hội đồng thành viên đã thống nhất giải thể Công ty TNHH Nam Thiên Sơn - An Giang kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2006 do không hoạt động hiệu quả.

3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	65,24	67,86
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	34,76	32,14
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	69,51	65,31
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	30,49	34,69
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,44	1,53
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,83	1,53
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,03	0,10
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	5,98	4,75
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	11,13	11,95
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu	%	36,60	34,72

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Thông tin so sánh

Một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính năm nay.

An Giang, ngày 21 tháng 8 năm 2006



Dương Thị Kim Loan
Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Nhứt
Giám đốc tài chính



Đoàn Tới
Tổng Giám đốc